

Phụ lục IV
QUY TRÌNH PHỐI HỢP ĐỐI SOÁT SỐ LIỆU THANH TOÁN GIỮA
ĐƠN VỊ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN VÀ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN, ĐƠN
VỊ PHÁT ĐIỆN VÀ ĐƠN VỊ MUA ĐIỆN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 2/2024/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện
cạnh tranh)*

Chương I

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC NHẬN SỐ LIỆU THANH TOÁN

Điều 1. Trình tự xác nhận, đối soát số liệu thanh toán ngày

1. Trước 09h00 ngày D+2, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tổng hợp các số liệu phục vụ việc tính toán thanh toán cho từng nhà máy điện trong ngày D và cung cấp cho đơn vị mua điện, đơn vị phát điện qua Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Đơn vị mua điện và đơn vị phát điện có trách nhiệm sử dụng số liệu do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cung cấp để tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán thị trường của từng nhà máy điện trong ngày D.

2. Trước 16h00 ngày D+2, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tổng hợp số liệu phục vụ việc tính toán thanh toán thị trường điện và cung cấp cho đơn vị mua điện qua Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Đơn vị mua điện có trách nhiệm sử dụng số liệu do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cung cấp để tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán thị trường điện của đơn vị mua điện trong ngày D.

3. Trước 16h00 ngày D+4, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và gửi cho đơn vị phát điện qua Trang thông tin điện tử thị trường điện bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ của nhà máy điện cho ngày giao dịch D.

Đơn vị phát điện có trách nhiệm kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán thị trường điện do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện gửi trên cơ sở các số liệu quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định của thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Đơn vị phát điện có trách nhiệm cung cấp cho đơn vị mua điện bản sao phiếu đăng ký lịch sửa chữa đã được phê duyệt (nếu có) và các thông tin vận hành theo Biểu mẫu 17 tại Phụ lục VI Thông tư này để phục vụ việc đối soát, kiểm tra các khoản thanh toán thị trường điện.

4. Trước 16h00 ngày D+5, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện lập và gửi cho các đơn vị mua điện bảng kê thanh toán thị trường điện giao ngay của đơn vị mua điện cho ngày D qua Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Các đơn vị mua điện có trách nhiệm kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán thị trường điện do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện gửi trên cơ



An *Am*



sở các số liệu quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định của thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

5. Trước 12h00 ngày D+6, đơn vị mua điện và đơn vị phát điện có trách nhiệm xác nhận bảng kê thanh toán thị trường điện theo quy định trên Trang thông tin điện tử thị trường điện và thông báo lại cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện sai sót trong bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ (nếu có).

6. Trước 16h00 ngày D+6, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và gửi cho đơn vị mua điện và các đơn vị phát điện bảng kê thanh toán thị trường điện hoàn chỉnh cho ngày D qua Trang thông tin điện tử thị trường điện. Đơn vị mua điện, đơn vị phát điện có trách nhiệm xác nhận bằng chữ ký điện tử bảng kê thanh toán ngày phục vụ công tác thanh toán cho chu kỳ thanh toán.

Điều 2. Trình tự xác nhận, đối soát số liệu thanh toán trong tháng

1. Sau 02 ngày làm việc đầu tiên của tháng M+1, đơn vị phát điện có trách nhiệm gửi cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hồ sơ xác nhận sự kiện tháng của tháng M. Hồ sơ bao gồm các sự kiện ngày đã thống nhất của tháng M theo quy định tại Điều 6 Phụ lục này và bảng tổng hợp các sự kiện chưa thống nhất giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và đơn vị phát điện (nếu có).

2. Trước ngày làm việc thứ 05 của tháng M+1, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm kiểm tra, đối soát hồ sơ xác nhận sự kiện của tháng M và thống nhất với đơn vị phát điện để loại bỏ các sự kiện sai khác hoặc bổ sung các sự kiện (nếu có). Sau khi hai bên đã thống nhất được các sự kiện của tháng M, đơn vị phát điện có trách nhiệm hiệu chỉnh và hoàn thiện hồ sơ gửi Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để công bố trên Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm ký xác nhận bằng xác nhận sự kiện tháng M. Bảng xác nhận sự kiện tháng M được đơn vị phát điện cung cấp cho đơn vị mua điện.

3. Trước ngày làm việc thứ 11 của tháng M+1, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố trên Trang thông tin điện tử thị trường điện:

a) Biên bản chốt sản lượng chênh lệch giữa tổng sản lượng trong từng chu kỳ giao dịch và sản lượng chốt cho chu kỳ thanh toán; sản lượng đầu nguồn (QL); sản lượng thanh toán theo giá bán buôn nội bộ (Qbst); sản lượng thanh toán trên giá thị trường bán buôn (Qm1, Qm2);

b) Tổng sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn của từng đơn vị mua buôn điện và tỷ trọng sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn của đơn vị mua buôn điện.

4. Trước ngày làm việc thứ 14 của tháng M+1, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và phát hành bảng kê thanh toán thị

trường điện cho chu kỳ thanh toán cho đơn vị mua điện và đơn vị phát điện.

5. Đơn vị phát điện có trách nhiệm lập và gửi hồ sơ thanh toán thị trường điện, hồ sơ thanh toán khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện, hồ sơ thanh toán các khoản thanh toán khác, bản sao phiếu đăng ký lịch sửa chữa đã được phê duyệt (nếu có) và các thông tin theo Biểu mẫu 16 và Biểu mẫu 17 tại Phụ lục VI Thông tư này phục vụ việc kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán cho đơn vị mua điện theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa đơn vị mua điện và đơn vị phát điện.

Đơn vị mua điện có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các khoản thanh toán do đơn vị phát điện gửi và thông báo lại cho đơn vị phát điện sai sót (nếu có).

6. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm lập và gửi cho đơn vị mua buôn điện hồ sơ thanh toán thị trường điện, hồ sơ thanh toán khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện, hồ sơ thanh toán các khoản thanh toán khác phục vụ việc kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị mua buôn điện.

Đơn vị buôn mua điện có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các khoản thanh toán do Tập đoàn Điện lực Việt Nam gửi và thông báo lại các sai sót (nếu có) cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Chương II

NỘI DUNG KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN

Mục 1

KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN KÝ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN VỚI TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Điều 3. Đối soát bảng kê thanh toán thị trường điện

1. Đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đối soát các bảng kê thanh toán sau:

- a) Các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày của nhà máy điện;
- b) Các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng của nhà máy điện.

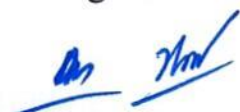
2. Nội dung đối soát các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày bao gồm:

a) Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá điện năng thị trường áp dụng cho đơn vị phát điện trong chu kỳ giao dịch;

b) Khoản thanh toán theo giá công suất thị trường trong chu kỳ giao dịch;

c) Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá chào đối với các nhà máy nhiệt điện có giá chào lớn hơn giá trần thị trường trong chu kỳ giao dịch;

d) Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát tăng thêm trong chu



kỳ giao dịch;

đ) Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh điều độ trong chu kỳ giao dịch;

e) Khoản thanh toán cho phần sản lượng tương ứng với phần công suất cung cấp cho dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp.

3. Nội dung đối soát các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng bao gồm:

a) Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá điện năng thị trường trong tháng;

b) Khoản thanh toán theo giá công suất thị trường trong tháng;

c) Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá chào đối với các nhà máy nhiệt điện có giá chào lớn hơn giá trần thị trường trong tháng;

d) Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát tăng thêm trong tháng;

đ) Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh điều độ trong tháng;

e) Khoản thanh toán cho phần sản lượng tương ứng với phần công suất cung cấp cho dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp trong tháng.

Điều 4. Đối soát khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện

Nội dung đối soát khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

1. Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện theo từng chu kỳ giao dịch.

2. Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện trong tháng của nhà máy điện.

3. Các số liệu đầu vào phục vụ đối soát bao gồm:

a) Giá hợp đồng tháng M được tính toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện;

b) Giá thị trường điện toàn phần áp dụng cho đơn vị phát điện của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố;

c) Sản lượng hợp đồng (hoặc sản lượng hợp đồng điều chỉnh nếu có) của nhà máy điện trong chu kỳ giao dịch của tháng M đã được ký xác nhận giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị phát điện.

Điều 5. Đối soát các khoản thanh toán khác

1. Nội dung đối soát các khoản thanh toán khác giữa đơn vị phát điện và

Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Khoản thanh toán chi phí khởi động cho tổ máy nhiệt điện hoặc lò hơi bị buộc phải ngừng trong trường hợp thừa công suất;

b) Khoản thanh toán cho phần chênh lệch sản lượng đo đếm điện năng tháng do tổng điện năng trong các chu kỳ giao dịch chênh lệch so với tổng điện năng trong Biên bản giao nhận điện năng tháng, phần điện năng chênh lệch được thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện ký giữa hai bên;

c) Khoản thanh toán cho nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết từ dưới 02 ngày gián tiếp tham gia thị trường điện do có kế hoạch đầu nối vào lưới điện mua điện từ nước ngoài căn cứ theo kết quả tính toán vận hành hệ thống điện năm tới của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

d) Khoản thanh toán cho nhà máy điện có tổ máy tách ra ngoài hệ thống điện quốc gia và đầu nối vào lưới điện mua từ nước ngoài (trừ các nhà máy điện tại Điểm c Khoản này);

đ) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy có tổ máy thí nghiệm;

e) Khoản thanh toán cho tổ máy đã có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt nhưng vẫn phải phát công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện;

g) Khoản thanh toán cho nhà máy trong trường hợp dừng thị trường điện hoặc can thiệp thị trường điện;

h) Khoản thanh toán cho nhà máy thủy điện trong trường hợp tổ máy phải phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá lập lịch huy động chu kỳ giao dịch tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện vì lý do an ninh hệ thống điện;

i) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy điện bị đình chỉ quyền tham gia thị trường điện. Trong trường hợp này, toàn bộ sản lượng điện phát của nhà máy lên lưới được thanh toán theo quy định tại hợp đồng mua bán điện ký giữa hai bên;

k) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy điện có tổ máy tham gia thử nghiệm AGC theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

l) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy tuabin khí vận hành chu trình đơn hoặc thiếu nhiên liệu chính phải sử dụng một phần hoặc toàn bộ nhiên liệu phụ theo lệnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện;

m) Các khoản thanh toán khác theo quy định trong hợp đồng mua bán điện ký giữa hai bên.

2. Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thực hiện xác nhận các nội dung theo quy định từ khoản 1 đến khoản 10 Điều 6 Phụ lục này và theo Quy trình tính toán thanh toán trong thị trường điện tại Phụ lục III Thông tư này và Biểu mẫu 17 tại Phụ lục VI Thông tư này.

3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện đối soát các khoản thanh toán khác (nếu có) của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị phát điện gửi kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng căn cứ theo các thông tin sau:

- a) Các sự kiện được xác nhận theo quy định tại Điều 6 Phụ lục này;
- b) Các quy định trong Hợp đồng mua bán điện;
- c) Bảng kê thanh toán thị trường điện hàng ngày;
- d) Biên bản xác nhận số liệu tổng hợp giao nhận điện năng.

Điều 6. Hồ sơ sự kiện phục vụ thanh toán

Đơn vị phát điện có trách nhiệm gửi cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam các tài liệu như sau (kèm theo trong hồ sơ thanh toán tháng):

1. Các thời điểm liên quan đến việc khởi động, ngừng máy của các tổ máy nhiệt điện để phục vụ việc thanh toán chi phí khởi động và kiểm tra tính toán sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh điều độ (Qdu) theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm khởi động của tổ máy hoặc lò máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy được thanh toán chi phí khởi động);

b) Nhiên liệu và cấu hình khởi động tổ máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy tuabin khí được thanh toán chi phí khởi động);

c) Chế độ khởi động (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy tuabin khí được thanh toán chi phí khởi động);

d) Thời điểm hoàn thành lệnh hòa lưới tổ máy hoặc thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy;

đ) Thời điểm tổ máy đạt công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hoặc thời điểm tổ máy đạt công suất phát ổn định thấp nhất;

e) Thời điểm bắt đầu thực hiện lệnh ngừng máy hoặc lệnh thay đổi công suất về giá trị 0 (không);

g) Thời điểm hoàn thành lệnh ngừng máy hoặc lệnh thay đổi công suất về giá trị 0 (không) hoặc thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy;

h) Lý do ngừng tổ máy, lò máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy được thanh toán chi phí khởi động).

2. Các chu kỳ tổ máy, lò máy bị sự cố lớn hơn 72 giờ, sửa chữa bất thường ngoài kế hoạch phục vụ điều chỉnh sản lượng hợp đồng trong chu kỳ giao dịch theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy, lò máy bắt đầu sự cố, sửa chữa bất thường ngoài kế hoạch;

b) Thời điểm bắt đầu xem xét điều chỉnh Qc:

- Là chu kỳ giao dịch thứ 145 tính từ chu kỳ giao dịch kế tiếp sau chu kỳ tổ máy, lò máy bị sự cố;

- Là chu kỳ giao dịch tổ máy, lò máy bắt đầu sửa chữa bất thường ngoài kế hoạch.

c) Thời điểm tổ máy, lò máy kết thúc sự cố.

3. Các chu kỳ tổ máy, lò máy kéo dài thời gian sửa chữa so với kế hoạch phục vụ điều chỉnh sản lượng hợp đồng trong chu kỳ giao dịch theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy, lò máy bắt đầu sửa chữa theo kế hoạch;

b) Thời điểm tổ máy, lò máy kết thúc sửa chữa theo kế hoạch;

c) Thời điểm tổ máy, lò máy bắt đầu tách ra sửa chữa thực tế;

d) Thời điểm tổ máy, lò máy kết thúc sửa chữa theo thực tế.

4. Các chu kỳ tổ máy kéo dài thời gian khởi động tổ máy tính từ lúc bắt đầu khởi động đến thời điểm hoà lưới lớn hơn 02 giờ so với thời gian khởi động theo quy định tại hợp đồng mua bán điện phục vụ điều chỉnh sản lượng hợp đồng trong chu kỳ giao dịch theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

e) Thời điểm tổ máy bắt đầu khởi động;

f) Thời điểm tổ máy kết thúc khởi động theo quy định tại Hợp đồng mua bán điện;

g) Thời điểm tổ máy kết thúc khởi động theo thực tế.

5. Các thời điểm nhà máy nhiệt điện thiếu nhiên liệu theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện nhà máy nhiệt điện thiếu nhiên liệu;

b) Thời điểm kết thúc sự kiện nhà máy nhiệt điện thiếu nhiên liệu;

6. Các thời điểm thí nghiệm của tổ máy theo kế hoạch đã được phê duyệt theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy bắt đầu thí nghiệm;

b) Thời điểm tổ máy kết thúc thí nghiệm;

c) Tỷ lệ % (phần trăm) nhiên liệu không phải nhiên liệu chính sử dụng để thí nghiệm (được áp dụng đối với các tổ máy tuabin khí);

d) Cấu hình thí nghiệm (được áp dụng với các tổ máy tuabin khí);

đ) Trường hợp Đơn vị phát điện có tổ máy tham gia thử nghiệm AGC cần chú thích rõ là thí nghiệm AGC.

7. Các thời điểm tổ máy tách ra ngoài lưới điện quốc gia và đấu nối vào lưới điện mua từ nước ngoài theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

Am Nam

a) Thời điểm tách ra ngoài lưới điện quốc gia và đấu nối lưới điện mua từ nước ngoài;

b) Thời điểm tách ra ngoài lưới điện mua từ nước ngoài và đấu nối trở lại lưới điện quốc gia.

8. Khoảng thời gian tổ máy đã có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt nhưng vẫn phải phát theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm bắt đầu tổ máy phải vận hành theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện mặc dù kế hoạch ngừng máy đã được phê duyệt;

b) Thời điểm kết thúc việc tổ máy phải phát theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

9. Khoảng thời gian tổ máy thủy điện phải phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá lập lịch huy động chu kỳ giao dịch tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Chu kỳ nhà máy bắt đầu phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá lập lịch huy động chu kỳ giao dịch tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Chu kỳ nhà máy kết thúc việc phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá lập lịch huy động chu kỳ giao dịch tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

10. Khoảng thời gian tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi có thời điểm vận hành chu trình đơn theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này.

11. Khoảng thời gian tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này.

12. Bảng xác nhận trong trường hợp sản lượng đo đếm điện năng tháng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm điện năng cung cấp sai khác so với tổng điện năng đo đếm các ngày trong tháng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm điện năng cung cấp.

13. Thông báo bằng văn bản của Cục Điều tiết điện lực về việc đình chỉ quyền tham gia thị trường điện (nếu có).

14. Thông báo bằng văn bản của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện về việc dừng thị trường điện hoặc can thiệp thị trường điện (nếu có).

Mục 2**KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN CỦA ĐƠN VỊ
PHÁT ĐIỆN KÝ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN TRỰC TIẾP VỚI ĐƠN
VỊ MUA BUÔN ĐIỆN****Điều 7. Đối soát các khoản thanh toán thị trường điện**

1. Đơn vị phát điện và đơn vị mua buôn điện có trách nhiệm thực hiện đối soát các khoản thanh toán sau:

- a) Các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày của nhà máy điện;
- b) Các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày giữa đơn vị mua buôn điện và nhà máy điện;
- c) Các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng của nhà máy điện;
- d) Các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng giữa đơn vị mua buôn điện và nhà máy điện.

2. Nội dung đối soát các khoản thanh toán thị trường điện của nhà máy điện bao gồm:

- a) Các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày của nhà máy điện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Phụ lục này;
- b) Các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng của nhà máy điện: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Phụ lục này.

3. Nội dung đối soát các khoản thanh toán thị trường điện của đơn vị mua buôn điện bao gồm:

a) Khoản thanh toán thị trường điện ngày: Khoản chi phí mua điện theo giá thị trường điện giao ngay của đơn vị mua điện trong chu kỳ giao dịch từ nhà máy điện có hợp đồng mua bán điện với đơn vị mua buôn điện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 90 Thông tư này;

b) Các khoản thanh toán thị trường điện tháng:

- Khoản chi phí mua điện trên thị trường điện giao ngay của đơn vị mua buôn điện trong tháng từ nhà máy điện có hợp đồng mua bán điện với đơn vị mua buôn điện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Thông tư này;

- Khoản chi phí tính toán theo thành phần hiệu chỉnh giá thị trường điện giao ngay từ nhà máy điện có hợp đồng mua bán điện với đơn vị mua buôn điện theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Thông tư này.

4. Đơn vị phát điện thực hiện gửi cho đơn vị mua buôn điện bảng kê thanh toán thị trường điện tháng do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện phát hành kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng.

Điều 8. Đối soát khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện

Nội dung đối soát khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua buôn điện bao gồm:

1. Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện trong từng chu kỳ giao dịch.

2. Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện trong tháng.

3. Các số liệu đầu vào phục vụ đối soát bao gồm:

a) Giá hợp đồng tháng M được tính toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện;

b) Giá thị trường điện toàn phần áp dụng cho đơn vị phát điện của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố;

c) Sản lượng hợp đồng (hoặc sản lượng hợp đồng điều chỉnh nếu có) giữa nhà máy điện với đơn vị mua buôn trong chu kỳ giao dịch của tháng M theo văn bản ký xác nhận giữa đơn vị mua buôn điện và đơn vị phát điện.

Điều 9. Đối soát các khoản thanh toán khác

1. Nội dung đối soát các khoản thanh toán khác đối với đơn vị phát điện ký hợp đồng trực tiếp và đơn vị mua buôn điện bao gồm:

a) Các khoản thanh toán theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm đ, điểm g, điểm k, điểm m khoản 1 Điều 5 Phụ lục này;

b) Các khoản thanh toán khác theo hợp đồng mua bán điện ký giữa hai bên (thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, tiền thuê đất, các khoản khác).

2. Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thực hiện xác nhận các nội dung theo quy định từ khoản 1 đến khoản 10 Điều 6 Phụ lục này và theo Quy trình tính toán thanh toán trong thị trường điện tại Phụ lục III Thông tư này.

3. Đơn vị mua buôn điện và đơn vị phát điện thực hiện đối soát các khoản thanh toán khác (nếu có) của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do đơn vị phát điện gửi kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng căn cứ theo các thông tin sau:

a) Các sự kiện được xác nhận theo quy định tại Điều 6 Phụ lục này;

b) Các quy định trong Hợp đồng mua bán điện;

c) Bảng kê thanh toán thị trường điện hàng ngày;

d) Biên bản xác nhận số liệu tổng hợp giao nhận điện năng;

đ) Sản lượng điện năng giao nhận của đơn vị mua buôn điện.

Ch *HN*

Điều 10. Hồ sơ sự kiện phục vụ thanh toán

Đơn vị phát điện thực hiện gửi cho đơn vị mua buôn điện (kèm theo trong hồ sơ thanh toán tháng) các tài liệu của nhà máy điện ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Điều 6 Phụ lục này.

Mục 3

KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN ĐỐI VỚI NHÀ MÁY ĐIỆN ĐƯỢC PHÂN BỔ HỢP ĐỒNG

Điều 11. Đối soát các khoản thanh toán của nhà máy điện được phân bổ hợp đồng

Đối soát các khoản thanh toán của nhà máy điện được phân bổ hợp đồng bao gồm:

1. Đối soát các khoản thanh toán của nhà máy điện giữa đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Theo quy định tại Mục 1 Chương này.
2. Đối soát các khoản thanh toán giữa Đơn vị mua buôn điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Theo quy định tại Điều 12 Phụ lục này.

Điều 12. Đối soát thanh toán giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị mua buôn điện

1. Nội dung đối soát thanh toán thị trường điện giữa đơn vị mua buôn điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Khoản thanh toán thị trường điện ngày: Khoản chi phí mua điện theo giá thị trường điện giao ngay của đơn vị mua buôn điện trong chu kỳ giao dịch theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 90 Thông tư này;

b) Khoản thanh toán thị trường điện tháng: Khoản chi phí mua điện trên thị trường điện giao ngay của đơn vị mua buôn điện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Thông tư này.

2. Nội dung đối soát khoản thanh toán sai khác giữa đơn vị mua buôn điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện theo từng chu kỳ giao dịch;

b) Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện trong tháng;

c) Các số liệu đầu vào phục vụ đối soát bao gồm:

- Giá hợp đồng của nhà máy điện trong tháng M: Theo quy định trong hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị phát điện;

- Giá thị trường điện toàn phần áp dụng cho đơn vị phát điện của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố;

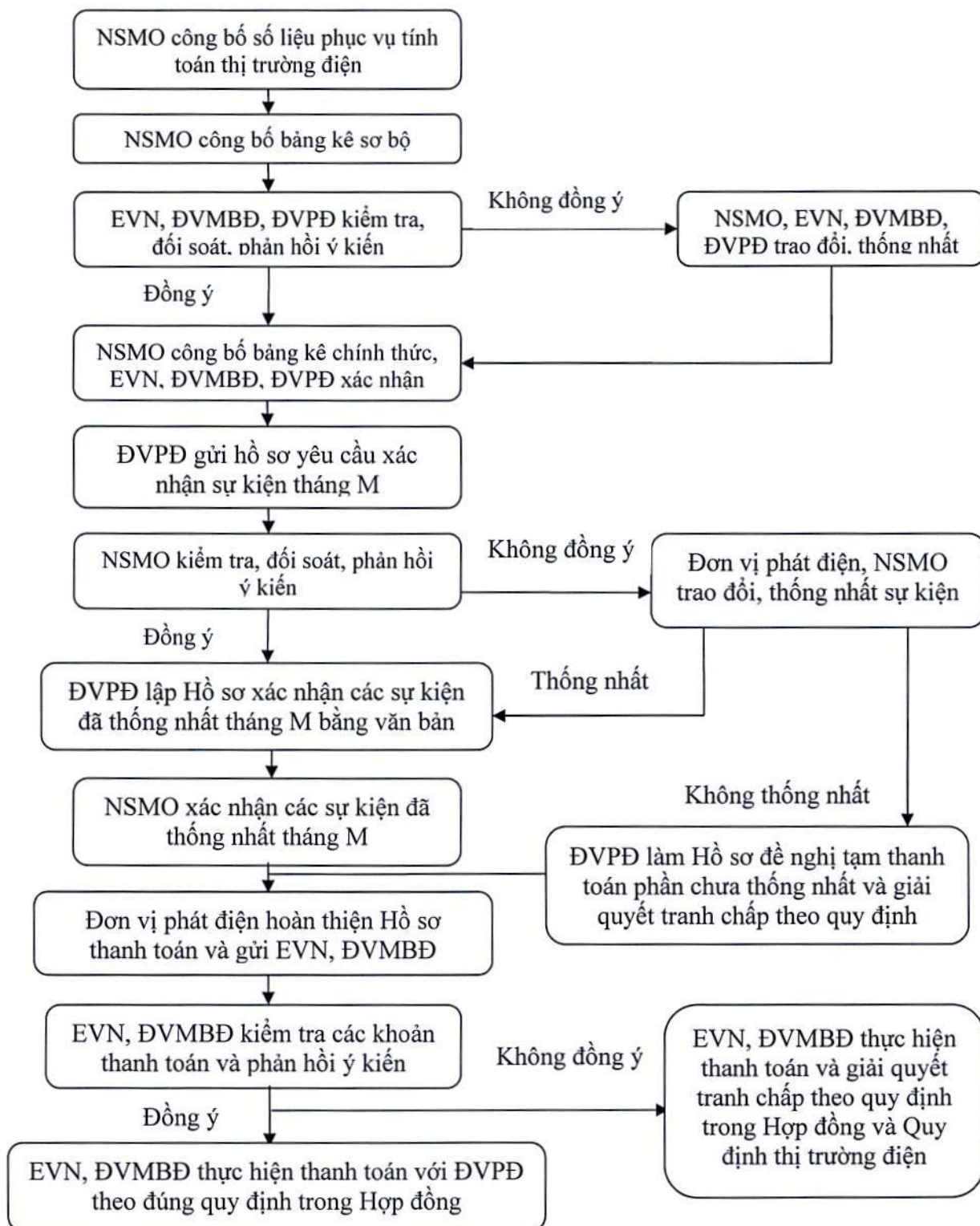
DANH MỤC SƠ ĐỒ

(Kèm theo Phụ lục IV. Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện)

STT	TÊN SƠ ĐỒ
Sơ đồ 01	Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán của nhà máy điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Đơn vị mua buôn điện
Sơ đồ 02	Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán của Đơn vị mua buôn với Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Sơ đồ 03	Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán ngày
Sơ đồ 04	Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán tháng

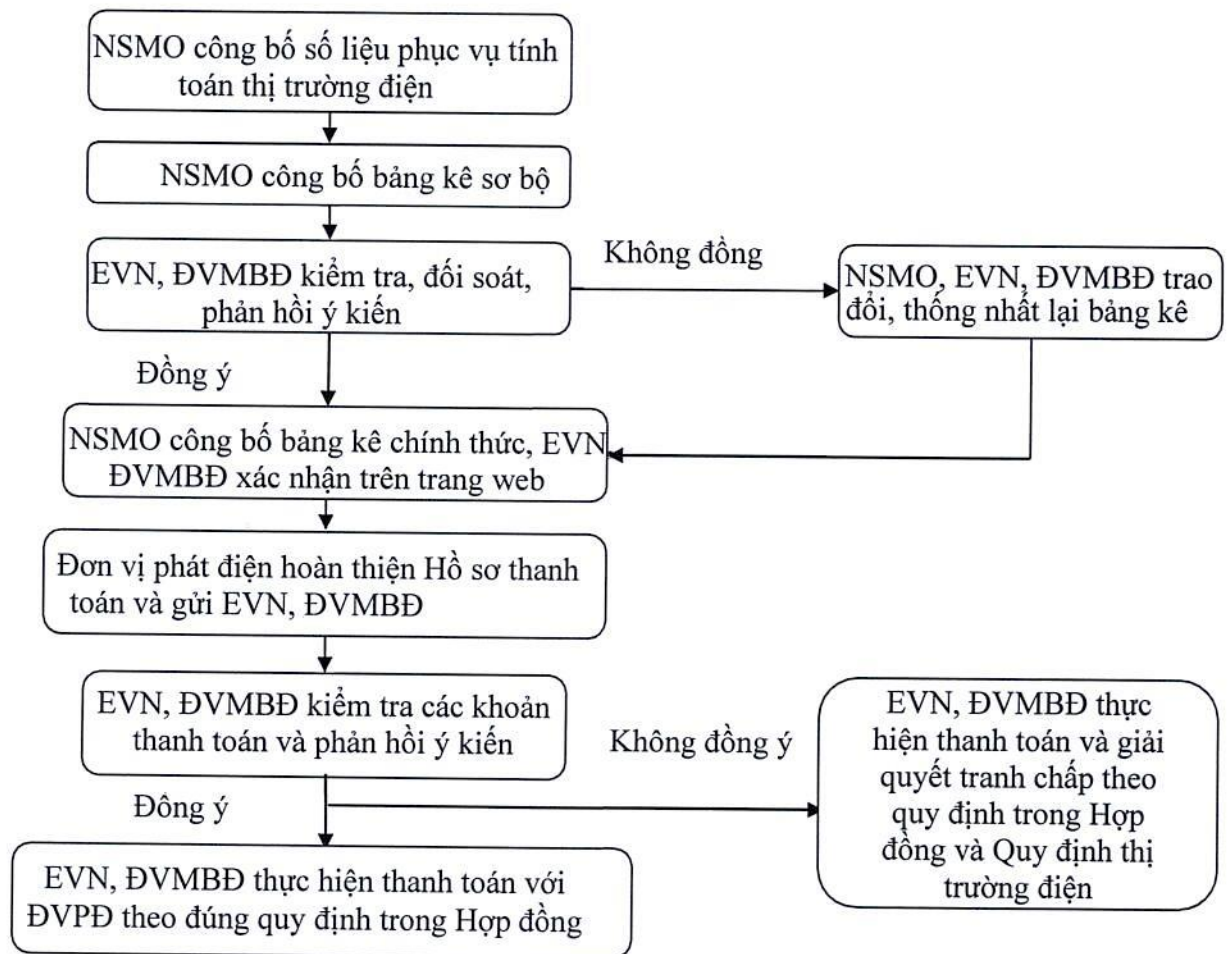
 

Sơ đồ 01 - Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán của nhà máy điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Đơn vị mua buôn điện



On *VNM*

**Sơ đồ 02 - Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán của Đơn vị mua
buôn với Tập đoàn Điện lực Việt Nam**



DM *AM*

Sơ đồ 03 – Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán ngày

Thời gian	Đơn vị thực hiện	Nội dung
Trước Ngày D+2	NSMO	Công bố sự kiện đã được thống nhất lên Trang thông tin điện tử thị trường điện.
Trước 9h00 Ngày D+2	NSMO	Cung cấp các số liệu phục vụ tính toán thanh toán thị trường điện ngày D cho ĐVPĐ.
Trước 16h00 Ngày D+2	NSMO	Cung cấp các số liệu phục vụ tính toán thanh toán thị trường điện ngày D cho ĐVMBĐ.
Trước 16h00 Ngày D+4	NSMO	Lập và gửi bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ cho ngày D cho ĐVPĐ.
Trước 16h00 Ngày D+5	NSMO	Lập và gửi bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ cho ngày D cho ĐVMBĐ.
Trước 16h00 Ngày D+4	ĐVPĐ	Gửi cho EVN, ĐVMBĐ các tài liệu liên quan đến tình hình phát điện (sự cố, sửa chữa tổ máy,...).
Trước 12h00 Ngày D+6	EVN, ĐVMBĐ, ĐVPĐ	Xác nhận bảng kê thanh toán thị trường điện ngày D, thông báo lại cho NSMO các sai sót (nếu có).
Trước 16h00 Ngày D+6	NSMO	Lập và gửi cho EVN, ĐVMBĐ và ĐVPĐ bảng kê thanh toán thị trường điện hoàn chỉnh cho ngày D.

Chú thích:

NSMO: Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

ĐVPĐ: Đơn vị phát điện;

ĐVMBĐ: Đơn vị mua buôn điện.

Sơ đồ 04 – Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán tháng

Thời hạn	Đơn vị thực hiện	Nội dung
Sau 02 ngày làm việc đầu tiên của tháng M+1	ĐVPhD	Gửi Hồ sơ yêu cầu xác nhận các sự kiện trong tháng M.
Sau 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng M+1	NSMO	Kiểm tra, đối soát, phản hồi ý kiến.
Trong thời hạn 10 ngày làm việc của tháng M+1	NSMO	Công bố chênh lệch giữa tổng sản lượng trong từng chu kỳ giao dịch và sản lượng chốt chu kỳ thanh toán, sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn và tỷ trọng sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn của ĐVMBĐ.
Trong thời hạn 13 ngày làm việc của tháng M+1	NSMO	Lập và phát hành bảng kê thanh toán thị trường điện tháng M.
Trước thời hạn thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện	EVN, ĐVMBĐ, ĐVPhD	Thực hiện các thủ tục thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện và Quy định thị trường điện.

Chú thích:

NSMO: Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

ĐVPhD: Đơn vị phát điện;

ĐVMBĐ: Đơn vị mua buôn điện

THƯƠNG

Am *2007*

